

Số: 86/2022/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 17 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1986
2. Anh Trương Văn P, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: tổ 7, khu 4, phường T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/01/2003, nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải cho mâu thuẫn của anh chị nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, hiện không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh P đều xác

định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P. Xét thấy, việc chị T và anh P thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P có 02 con chung là Trương Tuấn A, sinh ngày 08/5/2004 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 06/01/2012. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận cháu Tuấn A đã thành niên (đủ 18 tuổi), phát triển đầy đủ về tinh thần và thể chất, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung Trương Quỳnh A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (tròn 18 tuổi). Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của chị T và anh P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P xác định không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị T và anh P là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P thỏa thuận chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 09/8/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P có 02 con chung là Trương Tuấn A, sinh ngày 08/5/2004 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 06/01/2012. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận cháu Tuấn A đã thành niên (đủ 18 tuổi), phát triển đầy đủ về tinh thần và thể chất, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trương Quỳnh A đến khi

con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lưu Thị T và anh Trương Văn P thỏa thuận chị T tự nguyện nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000910 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- UBND phường V, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Định